

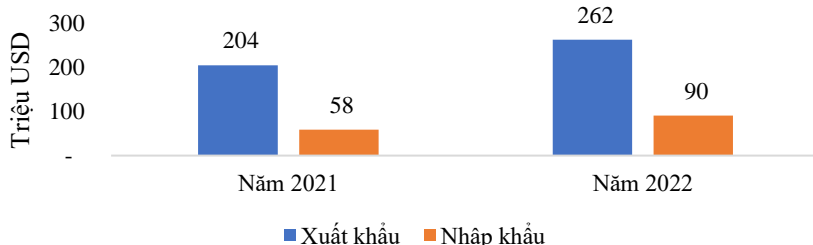
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HÀN QUỐC



### TÌNH HÌNH CHUNG

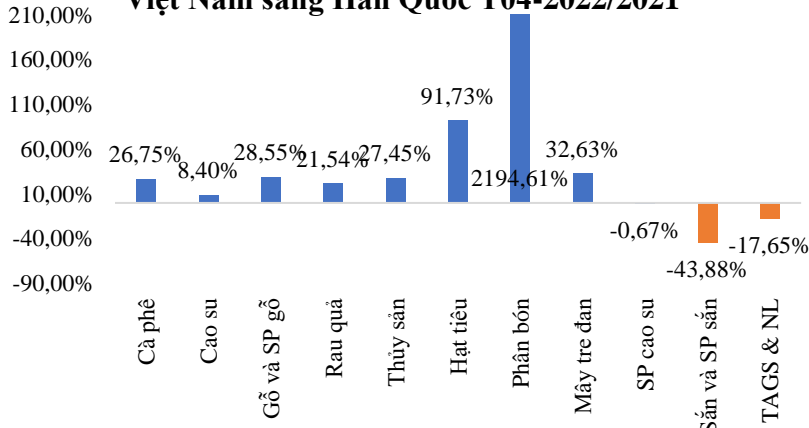
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc  
T04-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu  
NLTS Việt Nam –  
Hàn Quốc  
T04-2022/2021**

- Xuất khẩu ▲ 28,37 %
- Nhập khẩu ▲ 54,63 %

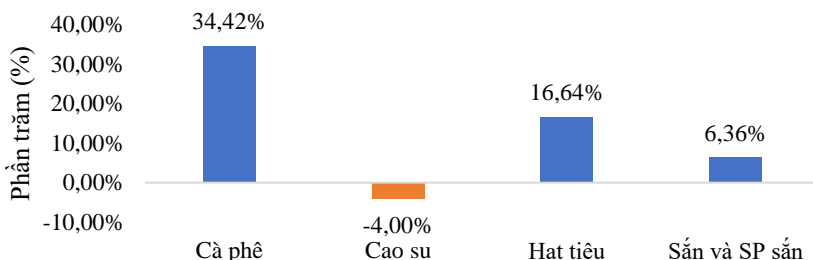
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của  
Việt Nam sang Hàn Quốc T04-2022/2021**



**So sánh T04-2022/2021**

- Cà phê ▲ 26,75%
- Cao su ▲ 8,40%
- Gỗ và SP gỗ ▲ 28,55%
- Hàng rau quả ▲ 21,54%
- Hàng thủy sản ▲ 27,45%
- Hạt tiêu ▲ 91,73%
- Phân bón ▲ 2194,61%
- Mây tre đan ▲ 32,63%
- SP từ cao su ▼ 0,67%
- Sản và SP sản ▼ 43,88%
- TAGS & NL ▼ 17,65%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân  
T04-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ  
T04-2022/2021**

- Cà phê ▲ 34,42%
- Cao su ▼ 4,00%
- Hạt tiêu ▲ 16,64%
- Sản và SP sản ▲ 6,36%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Viện nghiên cứu phát triển Hàn Quốc (KDI) ngày 18/5 đánh giá bất chấp gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế và dịch COVID-19, nền kinh tế Hàn Quốc vẫn đang duy trì được đà hồi phục nhờ xuất khẩu khả quan.

Tuy nhiên, KDI hạ triển vọng tăng trưởng kinh tế năm 2022 của Hàn Quốc từ mức 3% xuống 2,8%, trong bối cảnh tiêu dùng tư nhân quý I vừa qua thấp hơn dự đoán, giá nguyên vật liệu leo thang, lãi suất tăng.

Trưởng phòng Dự báo kinh tế của KDI Jeong Kyu-cheol cho biết lãi suất thị trường tăng trở thành yếu tố kéo nền kinh tế đi xuống. Tiếp đó là các yếu tố bất ổn bên ngoài tác động tiêu cực tới xuất khẩu.

KDI cũng dự báo tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong năm sau sẽ ở mức 2,3%, thấp hơn 0,5% so với dự báo tỷ lệ tăng trưởng trong năm nay. Viện nghiên cứu nhận định mặc dù tiêu dùng tư nhân sẽ được hồi phục, nhưng xu hướng tăng xuất khẩu sẽ chững lại, cán cân thương mại cũng sẽ xấu đi. Thêm vào đó, trong trường hợp bất ổn cung cầu nguyên vật liệu kéo dài, nền kinh tế Trung Quốc đi xuống, thì kinh tế Hàn Quốc có thể sẽ co hẹp hơn.

KDI nhận định giá tiêu dùng cả năm nay sẽ tăng 4,2%. Tuy nhiên, giá tiêu dùng năm sau sẽ chỉ tăng 2,2% do giá dầu quốc tế ổn định trở lại, và giá tiêu dùng năm nay đã tăng cao.

Cuộc khủng hoảng giá ngũ cốc trên toàn cầu đang đè nặng lên các quốc gia như Hàn Quốc, nước phải phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu để cung cấp thực phẩm và đặc biệt là giá thức ăn chăn nuôi tăng mạnh đã gây thêm áp lực lên chi tiêu của các hộ gia đình.

Các nền tảng theo dõi cho thấy, lạm phát tiêu dùng của Hàn Quốc tăng nhanh hơn nhiều so với dự báo và đạt mức cao nhất trong hơn 13 năm vào tháng Tư vừa qua. Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 4,8% vào tháng trước so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với mức tăng 4,4% được đưa ra trong một cuộc khảo sát của Reuters gần đây.

Theo báo cáo của hãng China Media Group (CMG), giá thịt lợn ba chỉ loại thịt thường được người dân Hàn Quốc ưa chuộng đã leo lên mức 150 nhân dân tệ/kg, tương đương 22,4 USD/kg, tăng 20% so với tháng trước.

Nguyên nhân khiến giá thịt lợn tăng mạnh chủ yếu là do giá lợn giống và giá thức ăn chăn nuôi tăng. Theo số liệu chính thức, chỉ số giá sản xuất thịt lợn ở Hàn Quốc đã tăng 28,2% trong tháng 4. Ngoài ra chi phí thức ăn chăn nuôi tiếp tục tăng cao cũng đẩy giá thịt gà và trứng gia cầm leo thang.

Theo số liệu của CMG, một nông dân nuôi gà ở Hàn Quốc cho biết chi phí chăn nuôi trang trại của gia đình ông đã tăng 42.000 nhân dân tệ mỗi ngày (6.272 USD), tức là tăng 50% so với năm ngoái do giá thức ăn chăn nuôi tăng.

CMG đã tiến hành khảo sát giá tại một số siêu thị quy mô lớn và chợ địa phương ở Hàn Quốc cho thấy, giá trứng gia cầm cũng đã tăng khoảng 10% so với tháng trước.

Các nhà phân tích cho rằng, người tiêu dùng Hàn Quốc rất có thể sẽ phải đối mặt với chi phí cao hơn do giá ngũ cốc thế giới vẫn đang trên đà tăng. Trong khi đó, chính phủ Hàn Quốc cho biết đang tính tới phương án trợ cấp tiền mặt cho các hộ chăn nuôi để hỗ trợ việc mua thức ăn chăn nuôi, nhằm đảm bảo nguồn cung thực phẩm trong nước.

Theo Hải quan Hàn Quốc, tháng 3/2022, Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn nhất cho Hàn Quốc, chiếm 52,9% về lượng, đạt 4,8 nghìn tấn, trị giá 37,6 triệu USD, tăng 5,3% về lượng và tăng 7,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm Việt Nam vào Hàn Quốc đạt 12 nghìn tấn, trị giá 95,5 triệu USD, tăng 18,6% về lượng và tăng 28,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Thị phần tôm Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 49,1% trong 3 tháng đầu năm 2021, lên 51,04% trong 3 tháng đầu năm 2022. 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm của Hàn Quốc đạt 23,5 nghìn tấn, trị giá 190,04 triệu USD, tăng 14,2% về lượng và tăng 24,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

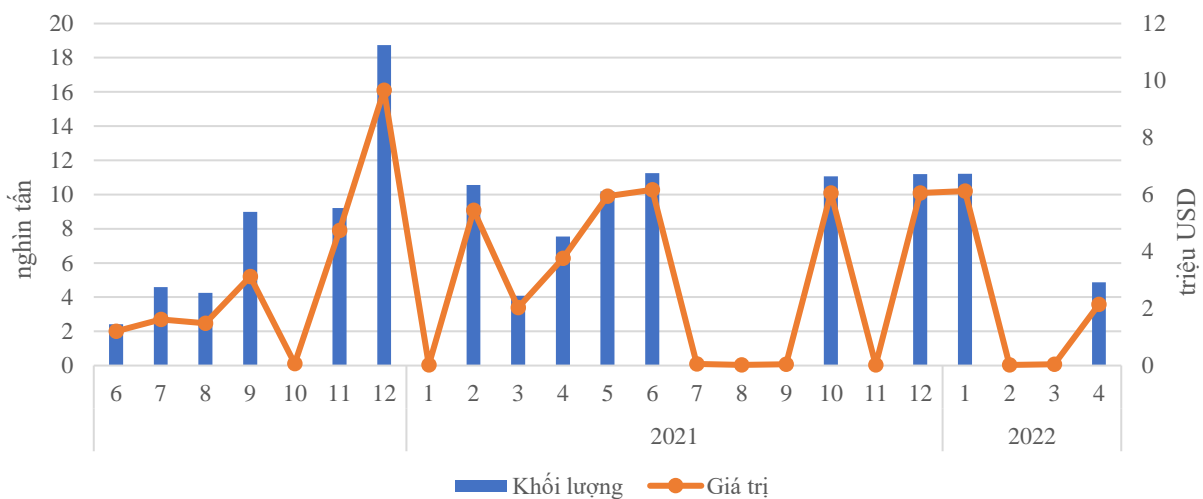
Tháng 04/2022, Việt Nam xuất khẩu 262,1 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 28,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 41,1%, thứ hai là thủy sản với 32,5%, rau quả chiếm 7,2%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, sản phẩm cao su, sắn và thức ăn gia súc và nguyên liệu là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2022, Việt Nam xuất khẩu được 4,9 nghìn tấn gạo, trị giá 2,1 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng rất cao so với mức 81,1 tấn gạo, trị giá 43,0 nghìn USD của tháng trước; nhưng giảm 35,6% về khối lượng và 43,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 16,2 nghìn tấn, trị giá 8,3 triệu USD, giảm 22,8% về khối lượng và 17,7% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

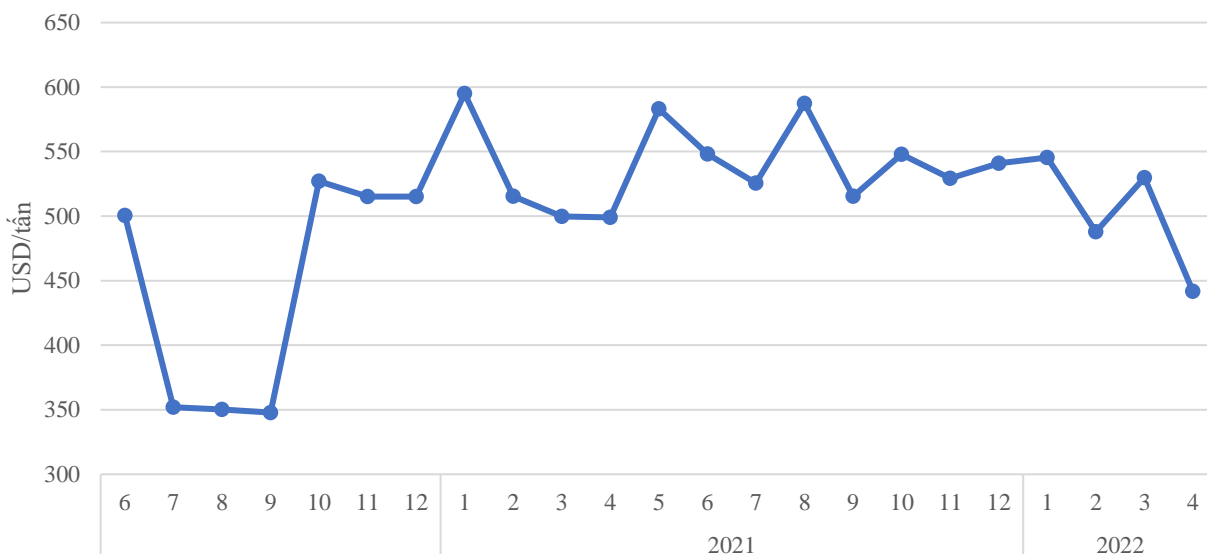
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 4/2022 đạt 441,7 USD/tấn, giảm 16,6% so với tháng trước và 11,5% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc**

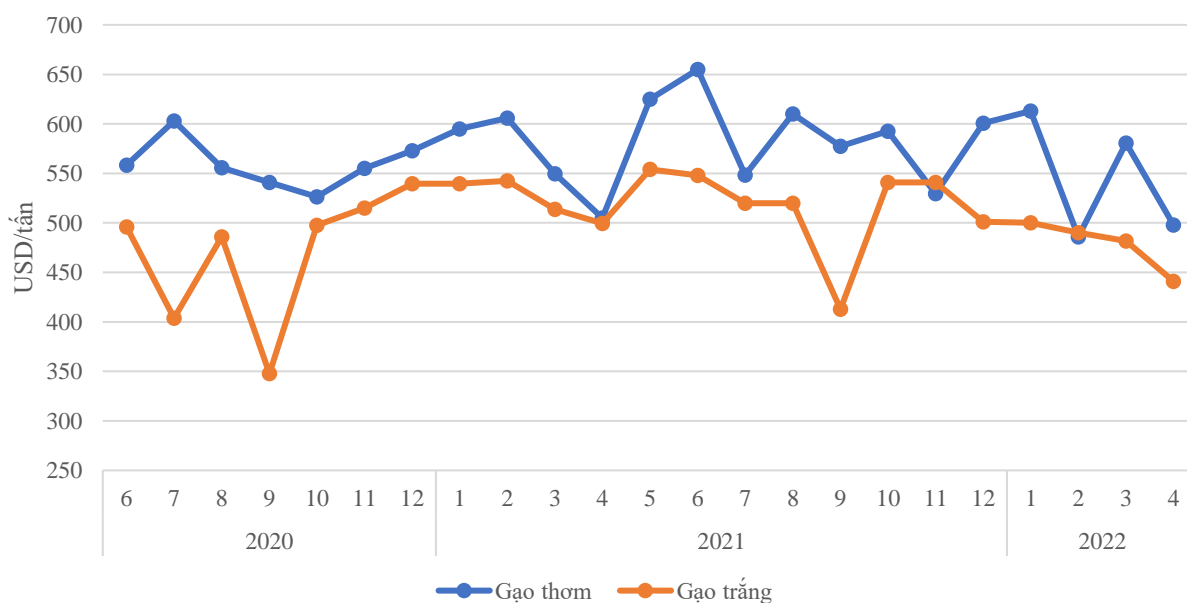


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 4/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 98,7% về khối lượng và 98,5% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 498,0 USD/tấn, giảm 14,2% so với tháng trước và 1,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 441,0 USD/tấn, giảm 8,5% so với tháng trước và 11,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc**

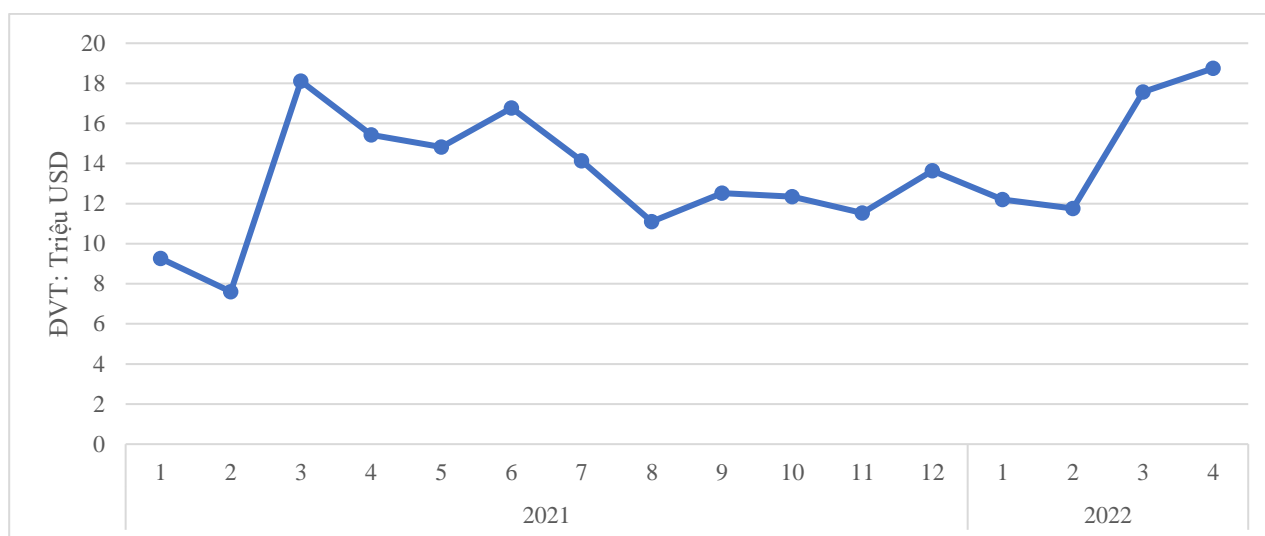


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 4 năm 2022 đạt 18,7 triệu USD, chiếm 5,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 6,7% so với tháng trước và tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 60,2 triệu USD (chiếm 5,1% thị phần), tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2021.

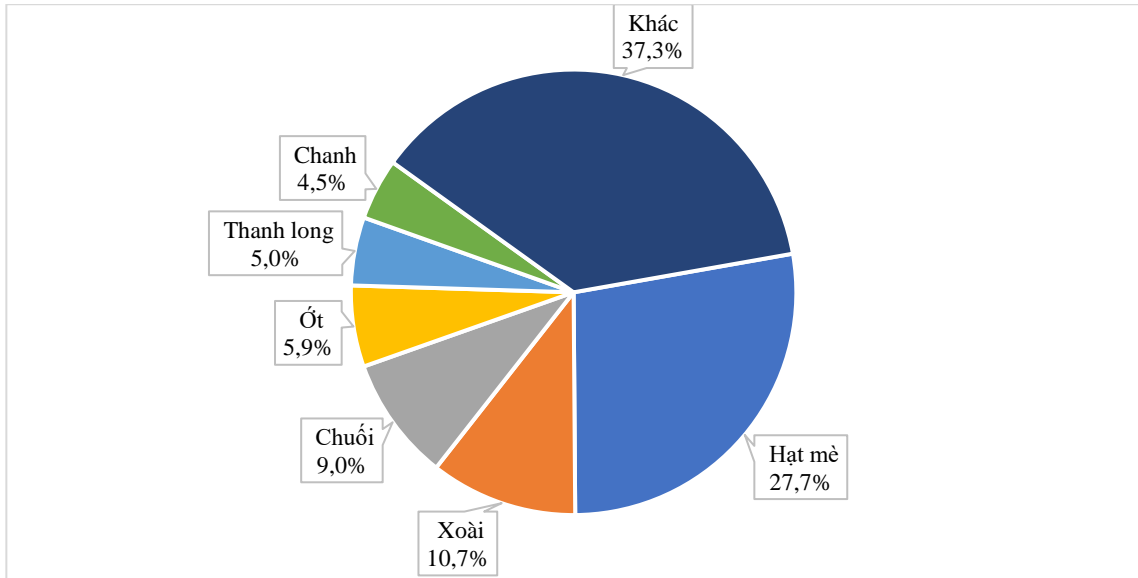
**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 4 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 9,7 triệu USD (chiếm 55,0% thị phần, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,9 triệu USD (chiếm 45,0% thị phần), tăng 8,2%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,8 triệu USD, tăng 143,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,4 triệu USD (tăng 130,3%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 614,6 nghìn USD (tăng 92,3%); v.v.

Trong tháng 4 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 4,3 triệu USD (chiếm 24,2% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 80,6% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,95 triệu USD (chiếm 16,8%), tăng 27,5%; chuối đạt 2,1 triệu USD (chiếm 12,1%), tăng 219,9%; ớt đạt 1,6 triệu USD (chiếm 9,3%), giảm 53,1%; thanh long đạt 1,2 triệu USD (chiếm 6,7%), tăng 35,6%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 04/2022**

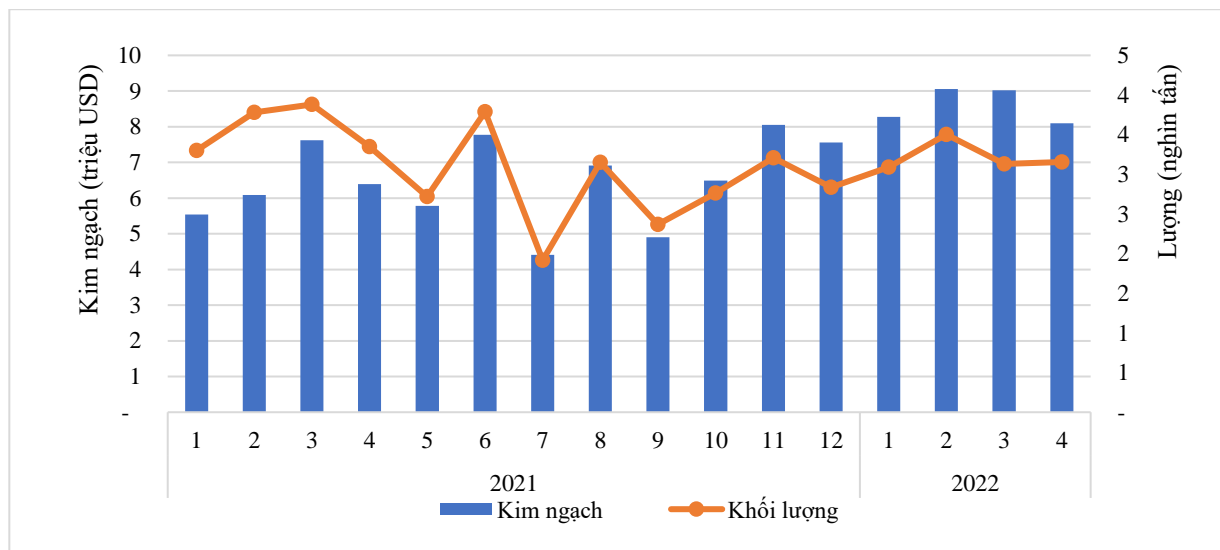
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 4 năm 2022 đạt 5,5 triệu USD, chiếm 3,7% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 103,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 22,7 triệu USD, chiếm 4,1% thị phần, tăng 53,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 4/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 1,9 triệu USD (chiếm 29,8%), tăng 64,4% so với cùng kỳ năm 2021; dâu tây đạt 1,2 triệu USD (chiếm 18,9%), tăng 89,4%; lê đạt 823,7 nghìn USD (chiếm 12,6%), cao gấp 52 lần; nấm các loại đạt 290,1 nghìn USD (chiếm 4,5%), tăng 17,2; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 04/2022 ước đạt 3,2 nghìn tấn với trị giá 8,1 triệu USD, tăng 0,8% về lượng nhưng giảm 10,2% về giá trị so với tháng trước, và giảm 5,7% về lượng nhưng tăng 26,8% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

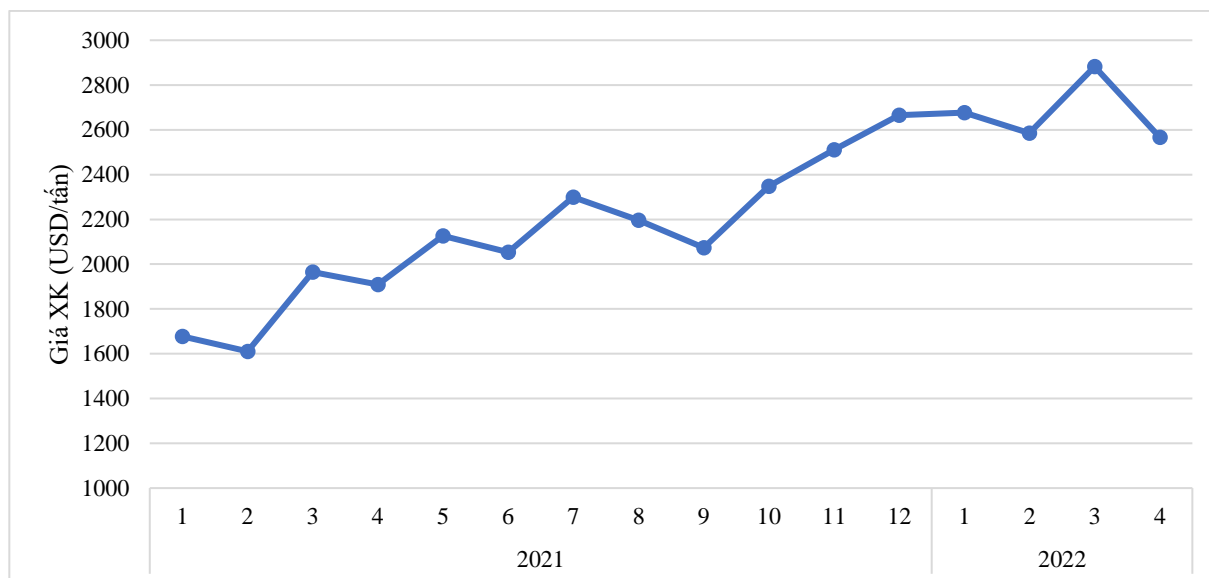
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 04/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.566 USD/tấn, giảm 11,0% so với tháng trước và tăng 34,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc**



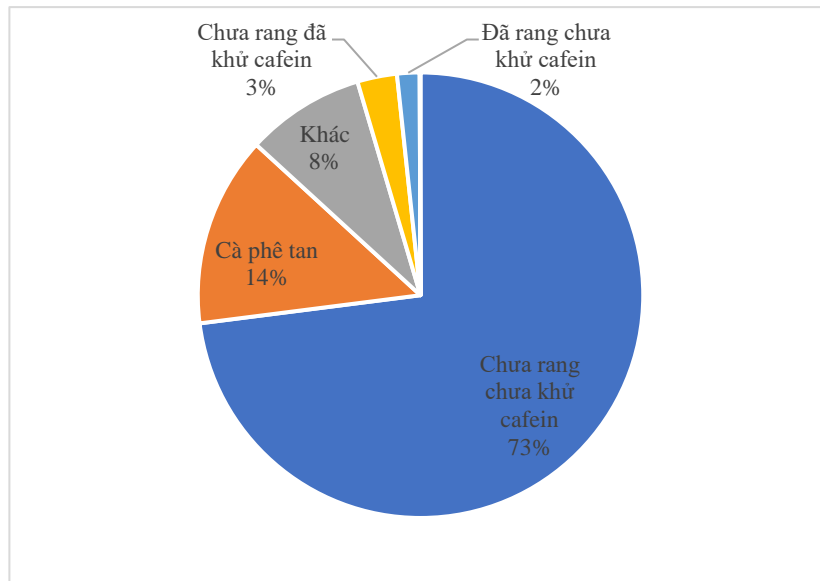
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 04/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 5,9 triệu USD, chiếm 73,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,1 triệu USD, chiếm 13,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein chiếm 2,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.



**Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng**

04/2022

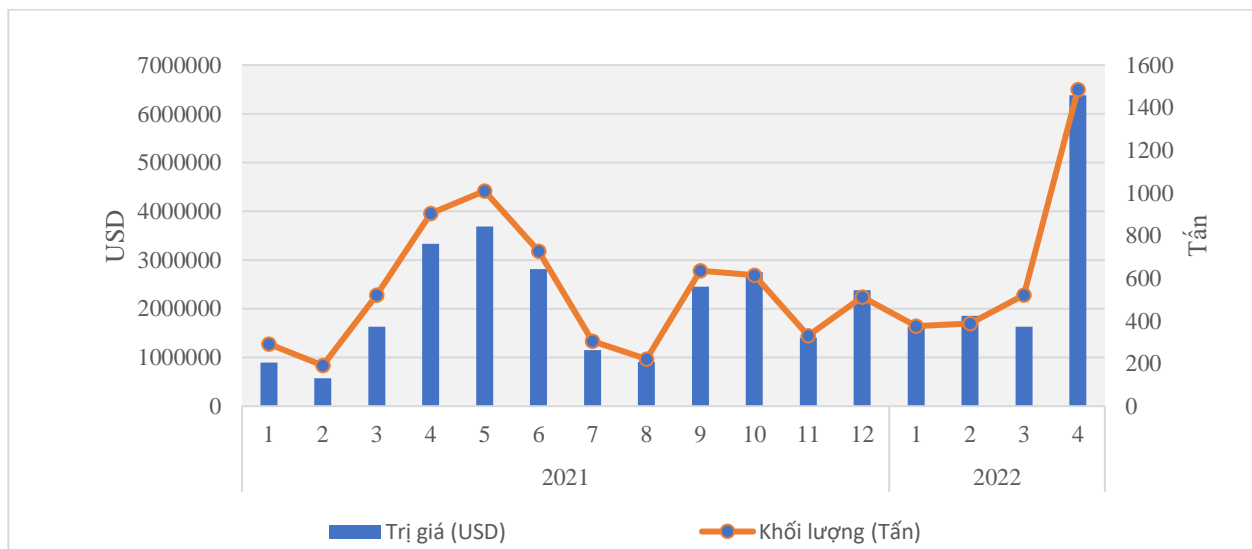


Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### 4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 4/2022 đã phục hồi so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 1.486 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 6,3 triệu USD, tăng 185,22% về khối lượng và tăng 291,7% về giá trị so với tháng trước và tăng 64,38% về khối lượng và 91,73% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

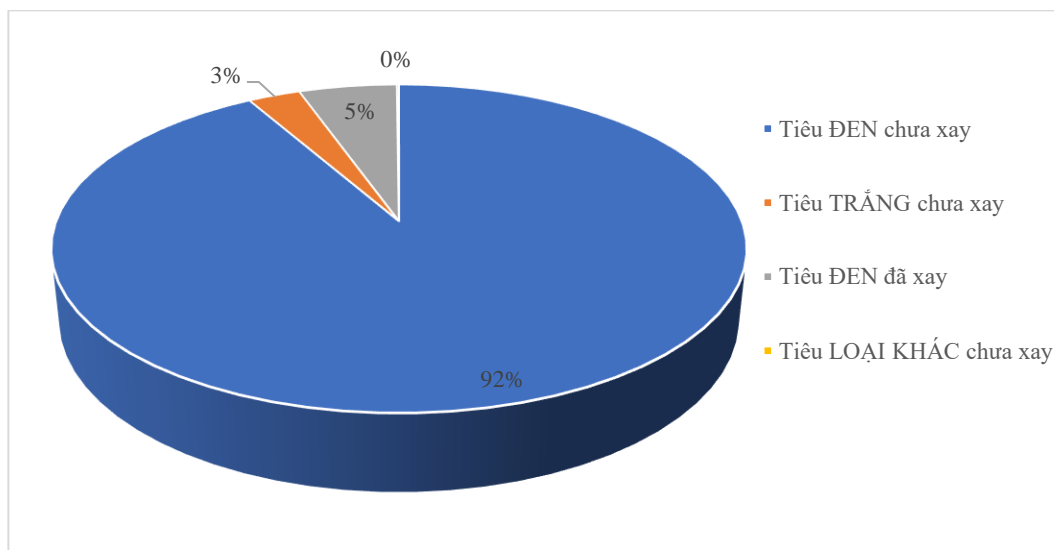
**Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 4/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 92% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 110% so với tháng trước và 48,6% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay, chiếm 5%, tăng 91% so với tháng trước và 132% so với cùng kỳ năm 2021.

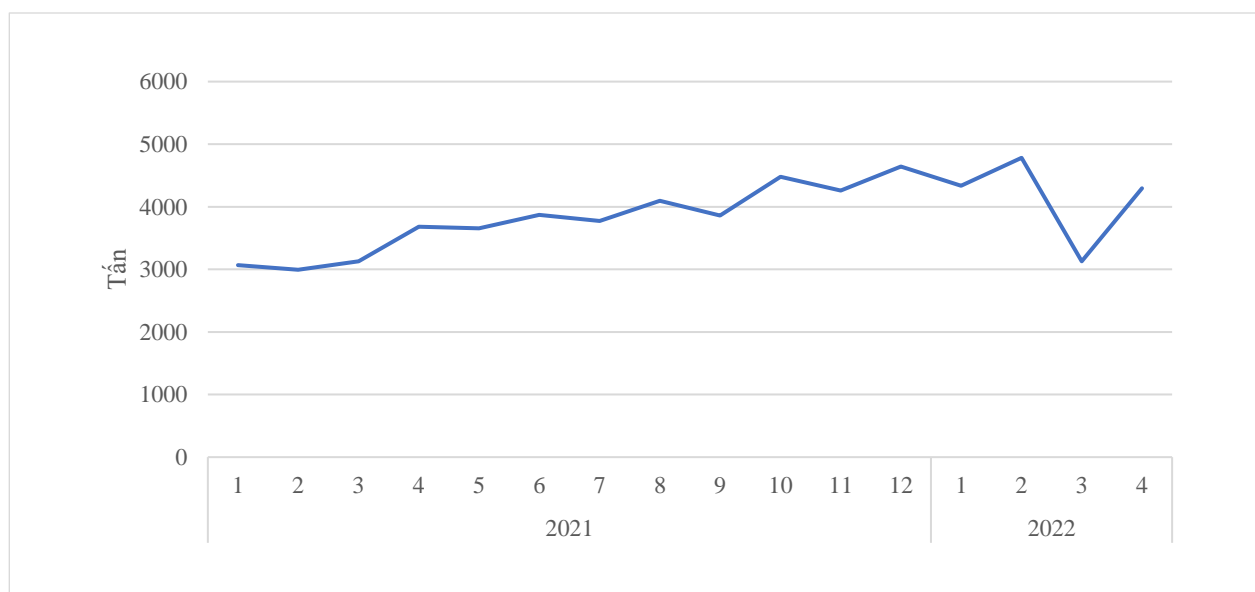
**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 04/2022**



*Nguồn: Tổng cục hải quan*

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 4/2022 đã tăng trở lại, đạt mức 4.296 USD/tấn, tăng 37,3% so với tháng trước và 16,6% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)**

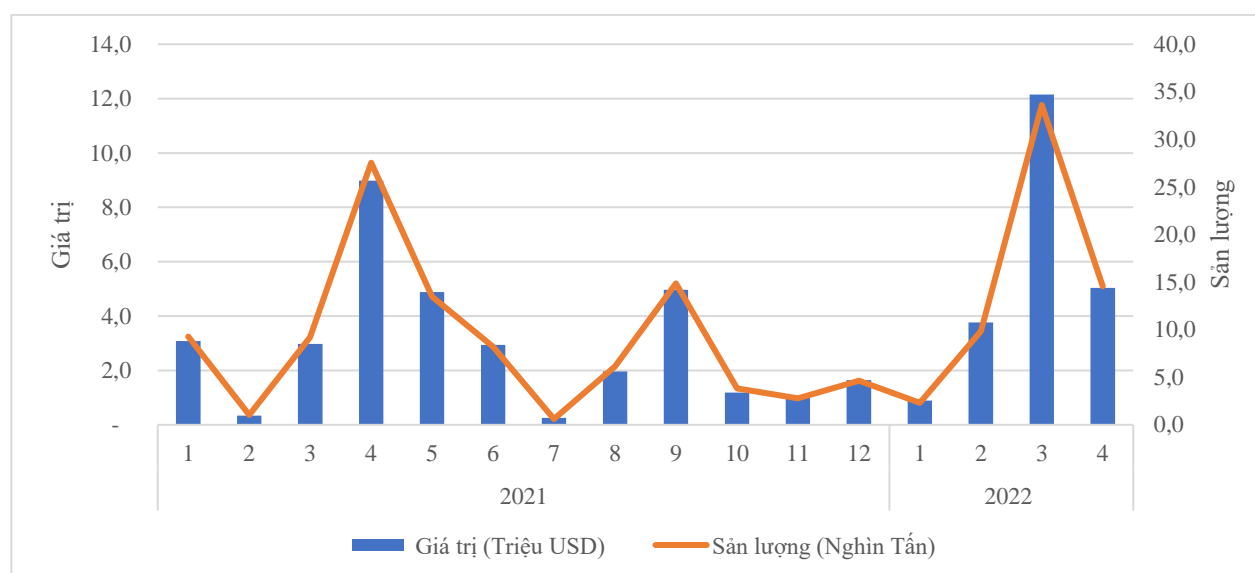


*Nguồn: Tổng cục hải quan*

## 5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

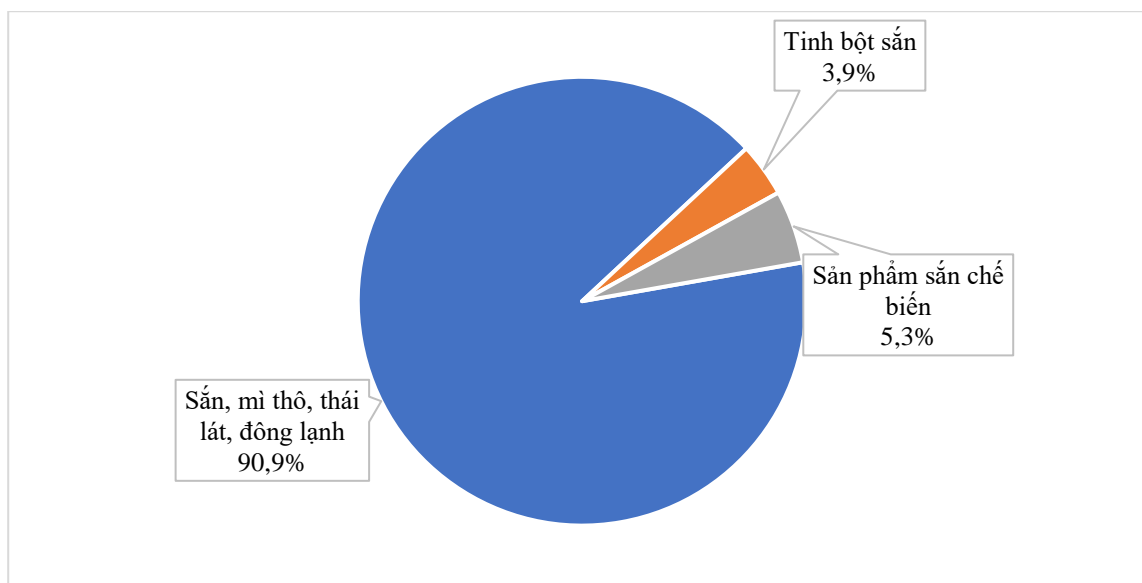
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2022, Việt Nam xuất khẩu được 14.544 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 5,0 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 56,7 % về khối lượng và giảm 58,5% về giá trị so với tháng 3/2022; giảm 47,2% về khối lượng và giảm 43,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 62.112 tấn, trị giá đạt 21,5 triệu USD, tăng 31,8% về khối lượng và tăng 39,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 6,2% về khối lượng và 4,8% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 4 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 4,6 triệu USD (chiếm 90,9% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), giảm 43,3% so với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sản đạt 195,7 nghìn USD (chiếm 3,9%), tăng 20,6%; sản phẩm sản chế biến đạt 265,2 nghìn USD (chiếm 5,3%), giảm 64,0% so với cùng kỳ năm 2021.

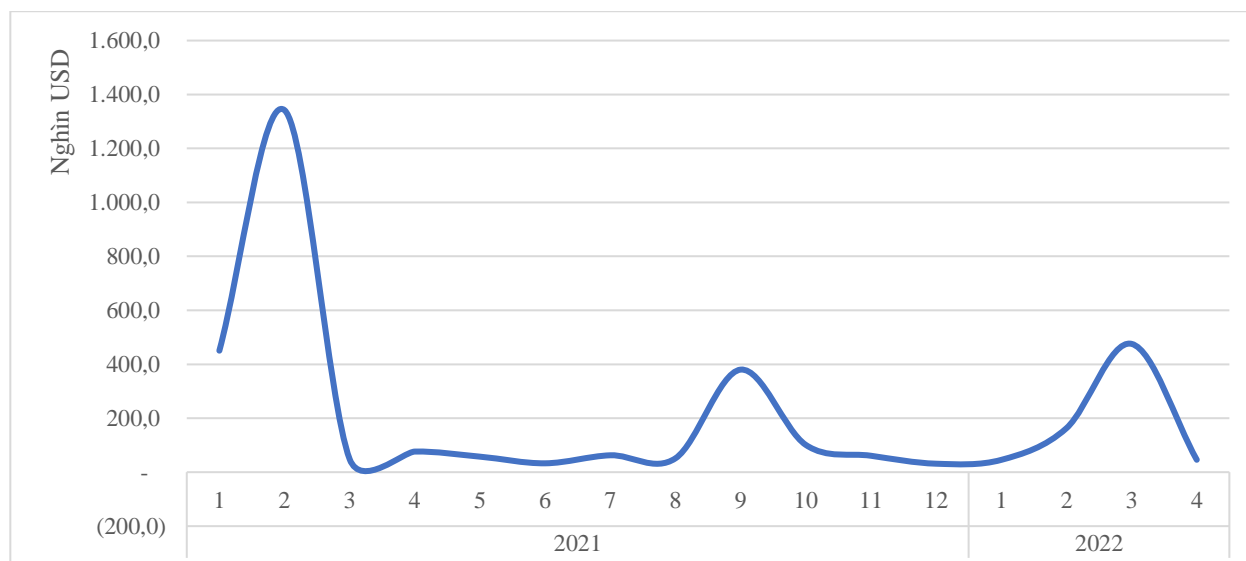
**Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Trong quý I, nhập khẩu thịt heo từ Hàn Quốc cũng phục hồi trở lại mức trước đại dịch là 152.000 tấn, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Hàn Quốc là thị trường trọng điểm đối với thịt heo của châu Á, do nhu cầu vượt xa nguồn cung trong nước với mức tiêu thụ thịt heo hàng năm ở mức 27 kg/đầu người. Trong vài năm qua, sản lượng đã tăng lên, đạt 1,4 triệu tấn vào năm 2021. USDA kỳ vọng mức sản lượng này sẽ tiếp tục được ghi nhận trong năm nay. Nhu cầu ở Hàn Quốc ổn định ở mức khoảng 2 triệu tấn/năm và do đó sự cân bằng được khối lượng nhập khẩu.

Trong tháng 4/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 45,9 nghìn USD, giảm 39,9% so với tháng 4/2021 nhưng giảm 190,3% so với tháng trước.

**Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Về nhập khẩu, trong tháng 4/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 6,5 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 76,4% so với tháng trước, và tăng 153,7% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

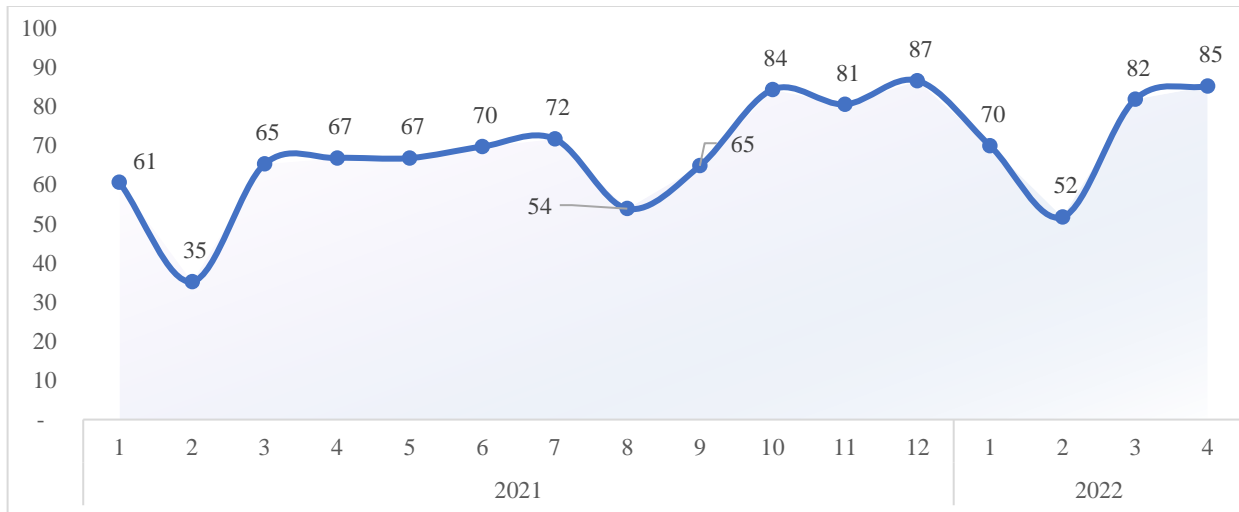
Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

## 7. THỦY SẢN

Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc, tháng 4/2022, nhập khẩu thủy sản của nước này đạt 162,2 nghìn tấn, trị giá 605,1 triệu USD, tăng 37,5% về lượng và tăng 33,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 562,45 nghìn tấn, trị giá 2,2 tỷ USD, tăng 15,3% về lượng và tăng 22,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý, với mức tăng trưởng cao, Nga đã vượt Trung Quốc trở thành thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Hàn Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022, đạt 216,3 nghìn tấn, trị giá 536,1 triệu USD, tăng 81% về lượng và tăng 66,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 4/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 85,2 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 4 tháng đầu năm đạt 288,7 triệu USD, chiếm 8% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 26,6% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 55,1%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 22,2%.

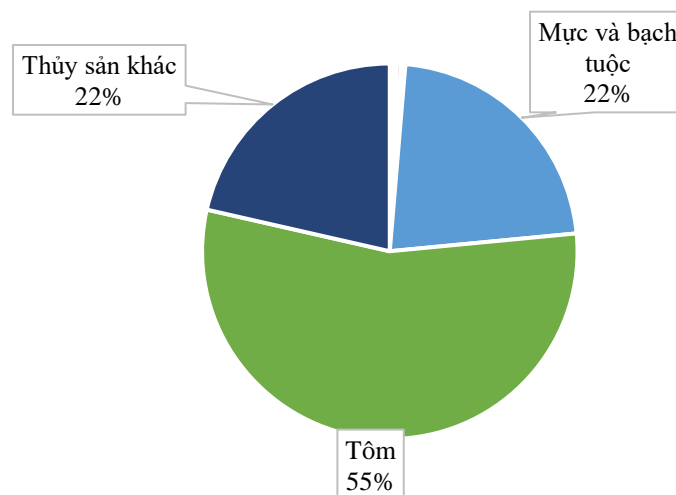
**Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, tăng 27,5% so với cùng kỳ năm trước và 4,1% so với tháng 3/2022. Trong đó, tăng mạnh nhất là cua ghe, tăng 732,2% so với cùng kỳ năm trước; cá da trơn tăng 147%.

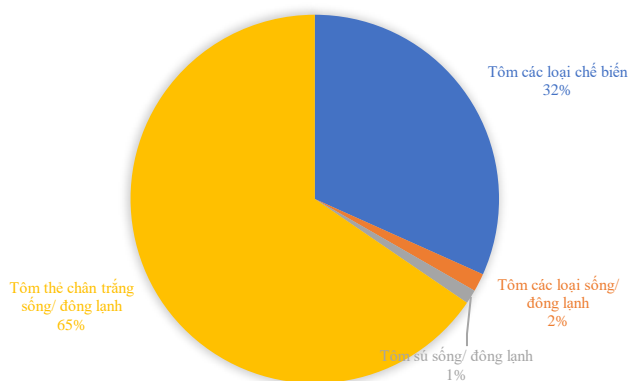
**Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 04/2022**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 4/2022 đạt 46,9 triệu USD, chiếm 55,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 53,7% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 65,5%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 31,7% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 04/2022**

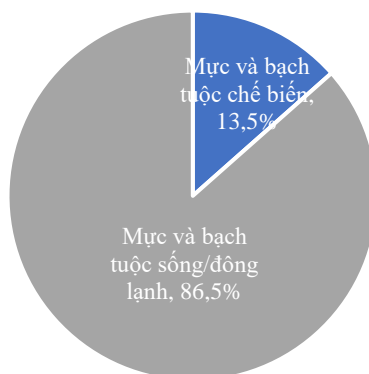


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 4/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 30,7 triệu USD tăng 76% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến đạt 14,9 triệu USD, tăng 31,7%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,7 triệu USD, tăng 77,8%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,6 triệu USD, tăng 3,5%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 4 năm 2022 đạt 18,9 triệu USD, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 16,3 triệu USD, giảm 12,3% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,5 triệu USD, tăng 15,5%.

**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 04/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 4/2022: Cua – ghẹ đạt 0,3 triệu USD, tăng 732,2%%; cá da trơn đạt 0,3 triệu USD, tăng 147% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, giảm 25%; cá ngừ đạt 0,2 triệu USD giảm 29,1%;

Tháng 4/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,9 USD/kg, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 10 USD/kg, tăng 18,1%.

**Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 04/2022**

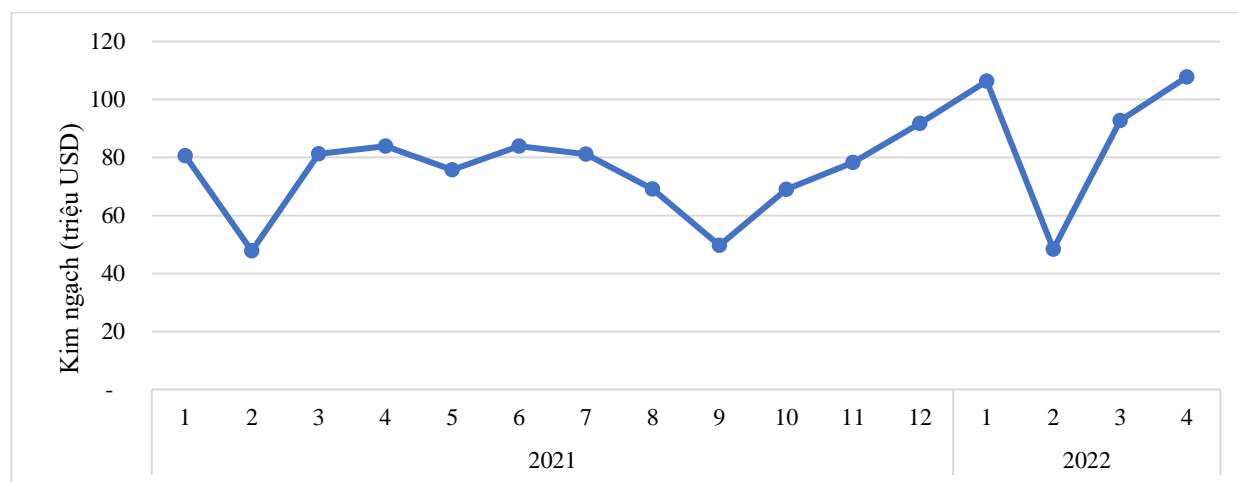
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,0	7,8%	-16,3%
2	Cá rô phi	3,1	-28,8%	0%
3	Cua, ghẹ	2,7	-0,7%	-13,8%
4	Mực và bạch tuộc	5,2	0,9%	-4,4%
5	Tôm	10,0	18,1%	-7,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 107,8 triệu USD, tăng 16,2% so với tháng trước và 28,6% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc**

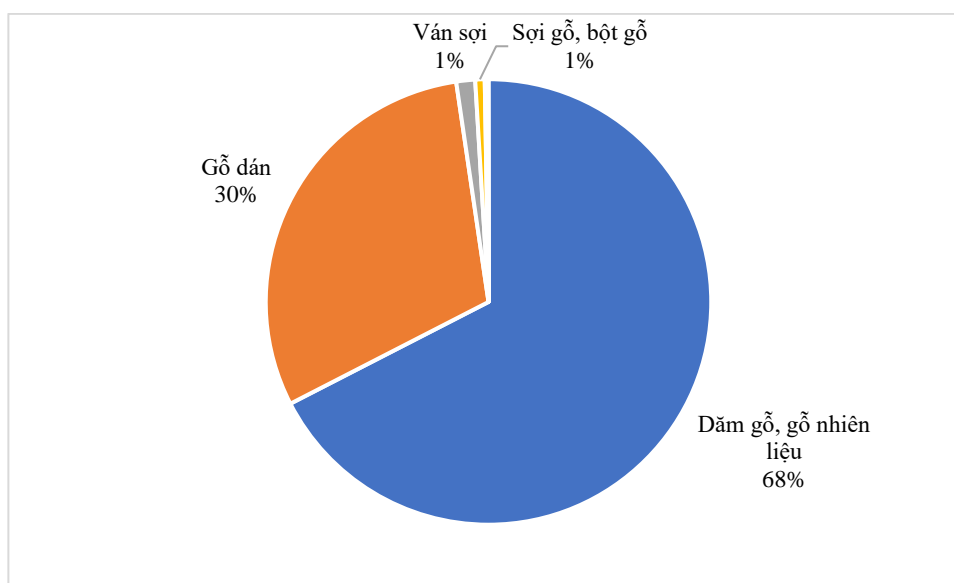


Nguồn: Tổng cục Hải quan



Tháng 04/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 56,8 triệu USD, chiếm 67,5% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 25,4 triệu USD, chiếm 30,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 1,4% và 0,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 20: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 04/2022**

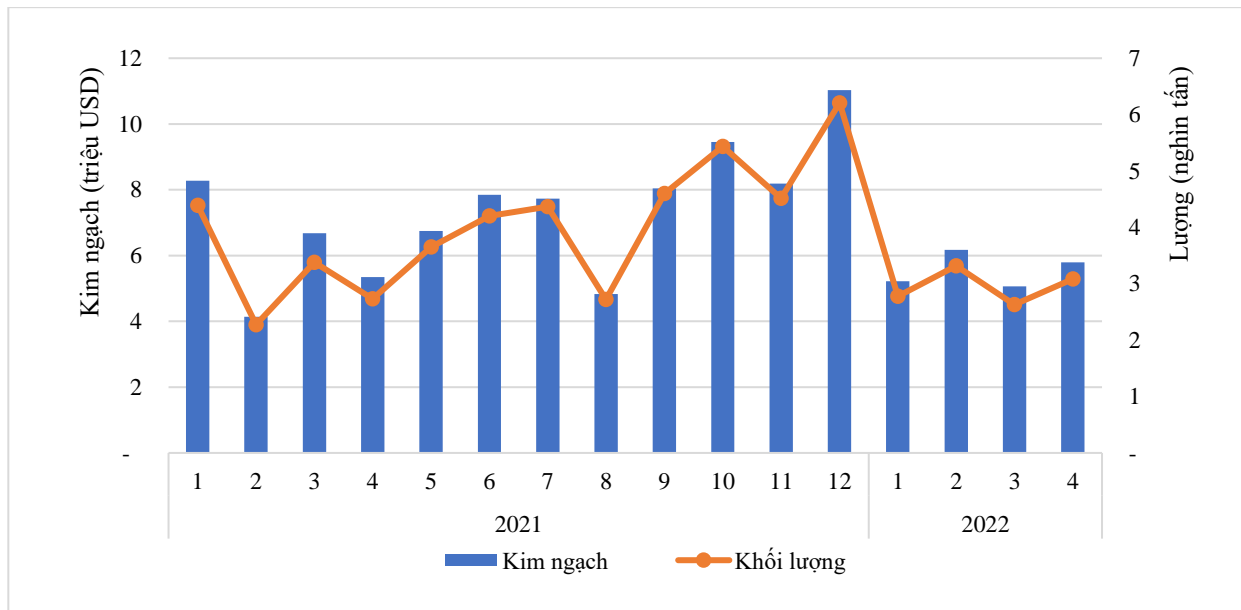


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 3,1 nghìn tấn với trị giá 5,8 triệu USD, tăng 17,4% về khối lượng và 14,4% về giá trị so với tháng trước, và tăng 12,9% về khối lượng và 8,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

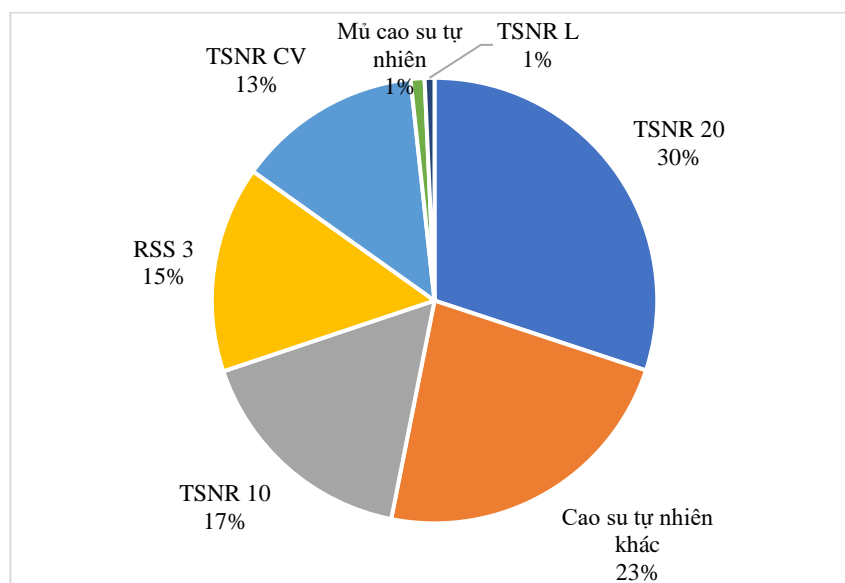
**Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 04/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,7 triệu USD, chiếm 30,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 10 với kim ngạch 967,3 nghìn USD, chiếm 16,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR CV chiếm lần lượt 15,0% và 13,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

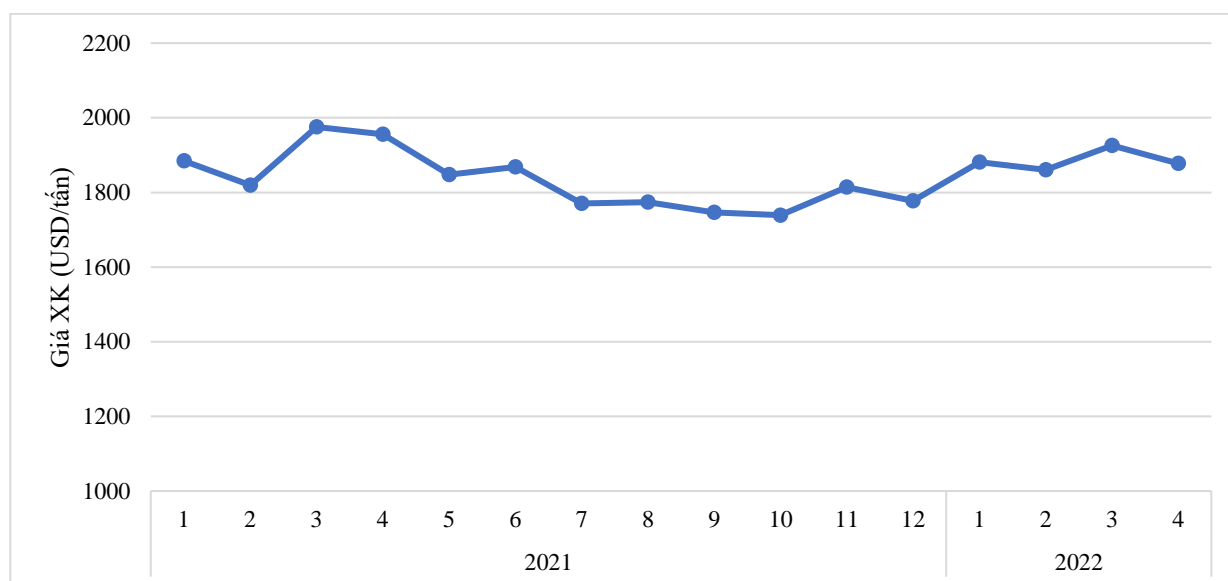
**Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 04/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.877 USD/tấn trong tháng 04/2022, giảm 2,5% so với tháng trước, và giảm 4,0% so với cùng kỳ 2021.

**Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

---

## 1. Thủy sản

Dự báo, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu dùng thủy sản ở thị trường này tăng. Theo ước tính của Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc (KREI), tiêu thụ thủy sản (bao gồm cá và thủy sản có vỏ) bình quân đầu người của Hàn Quốc năm 2021 đạt 40,6 kg/ người, tăng 0,7 kg/người so với năm 2020.

## 2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong giai đoạn năm 2017-2021, Hàn Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường trên thế giới đạt bình quân 1,2 tỷ USD/năm, tuy nhiên trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 17,5% tổng trị giá nhập khẩu, như vậy vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam khai thác trong thời gian tới.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Hàn Quốc, mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng rất cao trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 16,55 triệu USD, tăng 130,9% so với cùng kỳ năm 2021.

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 04/2022

STT	Sản phẩm	T04/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T04/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	8.099.235	26,75%	3,09%
2	Cao su	5.793.749	8,40%	2,21%
3	Gỗ và SP gỗ	107.814.732	28,55%	41,14%
4	Hàng rau quả	18.745.143	21,54%	7,15%
5	Hàng thủy sản	85.196.240	27,45%	32,51%
6	Hạt tiêu	6.383.183	91,73%	2,44%
7	Phân bón các loại	11.340.489	2194,61%	4,33%
8	Mây tre đan	2.814.433	32,63%	1,07%
9	SP từ cao su	8.713.304	-0,67%	3,32%
10	Sấn và SP từ sấn	5.039.042	-43,88%	1,92%
11	TAGS & NL	2.132.900	-17,65%	0,81%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>262,072,450</b>		<b>100,00%</b>

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 04/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 04/2021		Tháng 04/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	7.524	3.754.620	4.800	2.116.800	-36,2%	-43,6%
2.	Gạo thơm	24	12.120	64	31.824	166,7%	162,6%
3.	Các loại gạo khác	0	0	0	0		

Nguồn: Tổng cục Hải quan

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 04/2022**

Mặt hàng	T04/2021 (USD)	T04/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.833.741	5.907.870	22,22%
Cà phê tan	867.772	1.119.069	28,96%
Khác	336.742	698.243	107,35%
Đã rang chưa khử cafein	349.481	132.131	-62,19%
Chưa rang đã khử cafein		232.879	
Đã rang đã khử cafein		4.879	
<b>Tổng</b>	<b>6.387.737</b>	<b>8.095.070</b>	<b>26,73%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 04/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 04/2021	Tháng 04/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>18.103.796</b>	<b>17.560.943</b>	<b>-3,0%</b>
1	Hạt mè	3.489.820	4.857.609	39,2%
2	Xoài	1.836.193	1.878.544	2,3%
3	Chuối	795.451	1.582.784	99,0%
4	Ớt	2.474.522	1.036.431	-58,1%
5	Thanh long	645.397	870.169	34,8%
6	Chanh	309.811	784.570	153,2%
7	Khác	8.552.603	6.550.836	-23,4%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 04/2022**

TT	Sản phẩm	T04/2021 (USD)	T04/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	8.079.441	4.578.173	-43,3%
2	Tinh bột sắn	162.300	195.707	20,6%
3	Sản phẩm sắn chế biến	736.610	265.161	-64,0%
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>8.978.351</b>	<b>5.039.042</b>	<b>-43,9%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 04/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 04/2022 (USD)	Tháng 04/2021 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	315.433,2	214.597,3	47,0%
Cá nừ	205.242,4	289.332,0	-29,1%
Cá rô phi	318.887,0	425.250,4	-25,0%
Cua, ghe	292.863,4	35.190,5	732,2%
Mực và bạch tuộc	18.876.731,7	20.832.662,4	-9,4%
Tôm	46.920.458,5	30.525.074,9	53,7%
Thủy sản khác	18.266.623,8	14.523.558,4	25,8%
<b>Tổng</b>	<b>85.196.240,0</b>	<b>66.845.665,8</b>	<b>27,5%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*